



BẢNG DỮ LIỆU

GECKO GRIPPER

V1.0

1 Bảng dữ liệu

Tính chất chung					Đơn vị
Kẹp gấp					
Vật liệu đối tượng làm việc	Thép đánh bóng	Acrylic	Thủy tinh	Kim loại tấm	
Tải trọng tối đa (x2 yếu tố an toàn)	6,5 14,3	6,5 14,3	5,5 12,1	5,5 12,1	[kg] [lb]
Nạp tải bắt buộc để có độ bám dính tối đa	140				[N]
Thời gian nhả	300				[msec]
Kẹp đối tượng làm việc khi mất điện?	có				
Miếng đệm					
Khoảng thời gian thay	150.000 đến 200.000 chu kỳ khi nạp tải CAO 200.000 đến 250.000 chu kỳ khi nạp tải THẤP				[chu kỳ]
Vệ sinh thủ công	Cồn isopropyl và vải không xơ				
Hệ thống vệ sinh robot	Trạm vệ sinh				
Khoảng cách thời gian vệ sinh robot và % phục hồi	Xem Hướng dẫn Sử dụng Trạm Vệ sinh				
Cảm biến					
	Cảm biến nạp tải		Cảm biến phạm vi siêu âm		
Phạm vi	45 [N] 9 [lb]	140 [N] 31 [lb]	0	260 [mm] 10 [inch]	[N][mm] [lb][inch]
Lỗi	7%		2%		
Phân loại IP	42				
Kích thước (Cao x Rộng)	187 x 146 7,3 x 5,7				[mm] [inch]
Khối lượng	2,85). 6,3				[kg] [lb]



LƯU Ý:

Tránh nạp tải kẹp gấp bằng robot ngược hoặc trong điều kiện tải không phải thẳng đứng. Nếu nạp tải trong khi ngược, cảm biến nạp tải sẽ không đáp ứng được tiêu chuẩn làm việc điển hình.

Điều kiện vận hành	Nhỏ nhất	Điển hình	Lớn nhất	Đơn vị
Nhiệt độ	0 32	- -	50 122	[°C] [°F]
Đặc điểm của bề mặt*	Làm mờ	Có độ bóng cao	-	

* Bề mặt càng mượt thì càng cần ít lực nạp tải cho tải trọng mong muốn.

Thông số kỹ thuật hoặc tính năng	Giá trị mục tiêu
Cảm biến đồ vật hiện diện	Có (siêu âm)
Vật liệu miếng đệm	Pha silicone độc quyền
Thuộc tính mòn	Phụ thuộc vào độ nhám bề mặt và nạp tải
Cơ chế dính của miếng đệm	Có từ tính
Khoảng thời gian thay	150.000 đến 200.000 khi NẠP TẢI CAO 200.000 đến 250.000 khi NẠP TẢI THẤP
Hệ thống vệ sinh	Trạm vệ sinh
Khoảng thời gian vệ sinh và % phục hồi	Xem Sổ tay Trạm Vệ sinh

Hiệu quả đối với những vật liệu khác nhau

Gecko Gripper phù hợp nhất với chất nền có bề mặt mịn, độ nhám bề mặt thấp và thường phẳng, cứng chắc. Đối với những vật liệu khác, hiệu quả của Gecko Gripper giảm tùy theo độ cứng và độ gồ ghề của bề mặt tiếp xúc. Bản bên dưới cho thấy quan hệ giữa chất nền linh hoạt và cứng, lớp phủ bề mặt, tải trọng và lực nạp tải yêu cầu để nhấc chất nền đã nêu. Chẳng hạn khi khách hàng biết rằng bộ phận/chất nền cứng, với lớp phủ giống như gương và nặng 2 kg, nạp tải cần thiết để nhấc bộ phận/chất nền sẽ ở mức nạp tải trung bình.

Độ linh hoạt	Lớp phủ bề mặt	Tải trọng (kg)	Nạp tải yêu cầu
Cứng	Lớp phủ giống như gương	0 đến 2	Thấp
		2 đến 4	Trung bình
		4 đến 6	Cao
	Mịn	0 đến 2	Trung bình
		2 đến 4	Cao
		4 đến 6	N/A
	Matte	0 đến 2	Cao
		2 đến 4	N/A
		4 đến 6	N/A
Linh hoạt	Lớp phủ giống như gương	0 đến 2	Trung bình
		2 đến 4	Cao
		4 đến 6	N/A
	Mịn	0 đến 2	Cao
		2 đến 4	N/A
		4 đến 6	N/A
	Matte	0 đến 2	N/A
		2 đến 4	N/A
		4 đến 6	N/A

Để làm rõ hơn ý nghĩa giữa nạp tải và tải trọng, bảng bên dưới thể hiện ma trận đồ thị cho thấy khả năng của Gecko Gripper nhấc những vật liệu khác nhau với độ cứng và độ gồ ghề khác nhau ở ba giá trị nạp tải khác nhau (thấp 40N, trung bình 90N và cao 140N).

Độ cứng	Độ gồ ghề	Vật liệu ví dụ	Nạp tải - 140N						Nạp tải - 90N						Nạp tải - 40N					
			Tải trọng [kg]						Tải trọng [kg]						Tải trọng [kg]					
			0,1	0,5	1	2	4	6	0,1	0,5	1	2	4	6	0,1	0,5	1	2	4	6
1	1	Phim Mylar	✓	✓	✓	*			✓	✓	*			✓	*					
5	1	Tấm trong suốt	✓	✓	✓	✓	*		✓	✓	*			✓	*					
10	1	Pa-nen điện mặt trời bằng thép giống như gương được đánh bóng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	*	✓	✓	✓	✓	*		
1	5	Túp ziploc, màng co	✓	✓	*				✓	*				✓	*					
5	5	Hộp carton bóng (hộp ngũ cốc)	✓	✓	*				✓	*				✓	*					
10	5	Bộ mạch điện được in	✓	✓	✓	✓	*		✓	✓	*			✓	*					
1	10	Tấm phim/nhựa laminate	*																	
5	10	Bìa cứng uốn sóng																		
10	10	Nhôm đã phun cát																		

✓ kẹp gấp có thể dễ dàng nhắc vật liệu

* kẹp gấp có thể nhắc vật liệu trong một số trường hợp (yêu cầu cẩn thận và kiểm nghiệm để xác minh)

Không kẹp gấp không thể nhắc loại vật liệu này.



LƯU Ý:

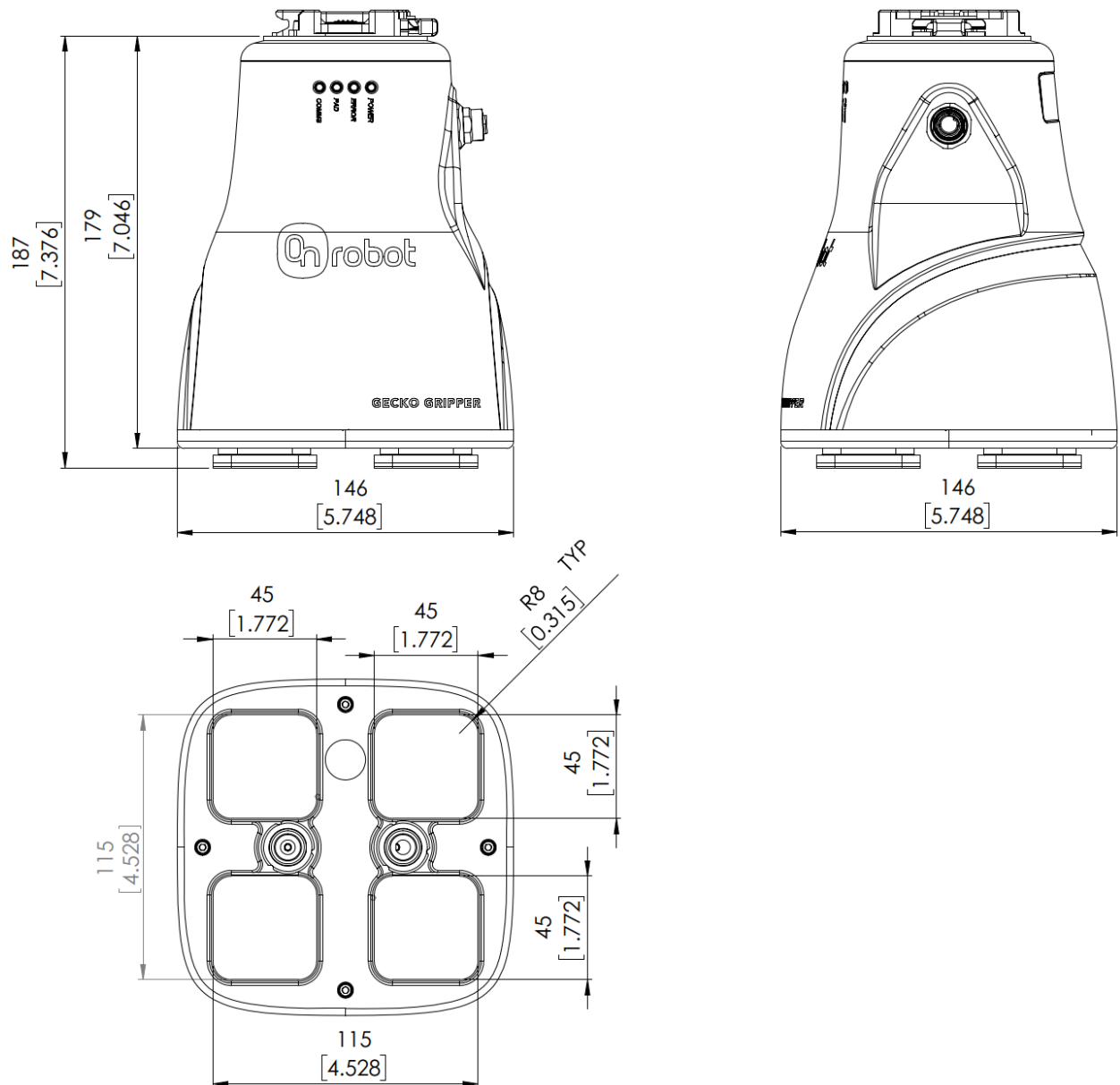
Bản này được dùng làm hướng dẫn để hiểu sâu hơn về công suất tải trọng và những dạng chất nền cho Gecko Gripper.

Tiêu chí độ cứng và độ gồ ghề nằm trên thang từ 1 đến 10, sau đây là những đánh giá dùng để xác định giá trị.

Độ cứng	Mô tả	Ví dụ
1	Linh hoạt	Vải
5	Bán linh hoạt	Bìa cứng
10	Cứng	Kim loại

Độ gồ ghề	Mô tả	Ví dụ	Giá trị RMS
1	Đánh bóng/nhẵn	Kim loại được đánh bóng	0,1 micro
5	Có cấu trúc	Bìa cứng	7 micron
10	Thô nhám	Kim loại có nhiều cạnh	28 micron

Gecko



Kích thước có đơn vị mm và [inch].